

PHẬT THUYẾT THẬP THIÊN NGHIỆP ĐẠO KINH GIẢNG GIẢI

Chủ giảng: HT Tịnh Không

Chuyên ngữ: Thích Nữ Huệ Hạnh

Giọng đọc: NSUT Phú Thăng

Bài số 45

(Trong bài giọng nam là lời giảng của HT, giọng nữ là những chú giải thêm.

Hôm qua chúng ta đang nghe đến kinh văn 53

Kinh văn 53: **“Chánh đạo trang nghiêm cố. Đắc chánh trí huệ, thường hiện tại tiền”** (Nghĩa là: Dùng chánh đạo trang nghiêm, được trí huệ chân chánh luôn hiện ra trước).

“Chánh đạo” là Bát chánh đạo, gồm có Chánh kiến, Chánh tư duy, Chánh ngữ, Chánh nghiệp, Chánh tinh tấn, Chánh định, Chánh niệm và Chánh mạng.

Chúng ta cũng đã nghe HT giảng hết Chánh kiến và Chánh tư duy. Bây giờ chúng ta sẽ nghe Ht giảng tiếp đến ý thứ 3

Thứ ba “Chánh Ngữ”.

“Ngữ” ý chỉ ngôn ngữ. Tiêu chuẩn của chánh ngữ là thực hành trong bốn loại thiện nghiệp, tức không nói dối, không nói hai lời, không nói lời thô tục, không nói lời thô ác. Nếu chúng ta có thể thọ trì và y giáo phụng hành thì lời của ta chính là chánh ngữ, thiện ngữ. Lời nói từ tâm sanh ra, thân ngữ mà thiện, thì chắc chắn tâm nhất định thiện. Trong bản tánh chân tâm tuyệt đối không mảy may làm lỗi, lỗi làm không có thì có đâu ác niệm! Bản tánh chân tâm là thuần thiện, thuần tịnh.

Câu mở đầu Tam Tự Kinh là *“Nhân chi sơ, tánh bản thiện”*. “Tánh” là bản tánh, là chân tâm. Bản tánh, chân tâm vốn dĩ thuần thiện, không chút sai

ác. Vì sao chư Phật Như Lai xem tất cả chúng sanh đều là Phật? Vì chư Phật Như Lai nhìn từ bản tánh. Bản tánh chúng sanh vốn dĩ thiện, tất cả chúng sanh vốn dĩ là Phật. Ngày nay phiền não chúng sanh hiện hành nên che mắt, làm khuất lấp cả Phật, Bồ tát cũng không thấy. Như vậy gọi là mê mất bản tánh, cũng chính là nói mê mất bản tánh thiện, biến thành không thiện. Nói theo Tam Tự Kinh là *“tánh tương cận, tập tương viễn”* (nghĩa là bản tánh thì giống nhau, nhưng tập tánh thì khác xa). Mọi chúng sanh và chư Phật là một không gì khác biệt, đều là bản tánh thiện mà giờ khác nhau là tập tương viễn. Chúng ta từ nhỏ đã tập thành thói quen không tốt, không những từ nhỏ mà còn là từ vô lượng kiếp trong đời quá khứ đến nay đã dưỡng thành thói quen không tốt, nên bản tánh thiện càng ngày càng xa, quả báo liền biến thành mười pháp giới, lục đạo và tam ác đồ.

Do đó có thể thấy mười pháp giới, lục đạo, tam ác đồ đều từ tập tánh biến hiện ra, chứ nó xác thực không tồn tại. Giống chúng ta nằm mộng vậy, mê mất chân tánh, mê mất bản tánh như đắm chìm trong giấc mộng dài, tỉnh mộng thì liền thành Phật, hồi phục tánh thiện. Chư Phật, Bồ Tát thị hiện thế gian đều vì để giúp chúng ta phá mê khai ngộ, đánh thức người còn ngủ mơ mà thôi. Lời nói hành động của các Ngài đều khai thị cho chúng ta giác ngộ, còn chúng ta lúc nào mới ngộ được là tùy thuộc vào căn tánh, duyên phận của mỗi người.

Căn tánh của chúng sanh phân thành ba bậc là thượng, trung và hạ. Ba loại này là phần lớn, còn phân chia nhỏ hơn thì tương đối phức tạp:

Người thượng căn tiếp xúc Phật pháp là có thể lĩnh ngộ y giáo phụng hành, buông bỏ toàn bộ tập khí, thói quen của mình, tùy thuận Phật, Bồ Tát và sống đời sống như Phật, Bồ Tát, một đời thành tựu.

Người căn tánh bậc trung cũng có thể tiếp nhận Phật pháp, nhưng không hoàn toàn tiếp nhận vì họ chưa hoàn toàn buông bỏ tập khí nhiễm tạp của bản thân. Họ không cách gì y giáo phụng hành 100% nên đời này không thành tựu. Phải hiểu rằng tu học Phật pháp không thể thụt lùi, đây cũng là sự khác biệt giữa người bậc thượng căn và trung căn.

Còn người thiện căn bậc hạ càng kém hơn, nửa tin nửa ngờ, vẫn chịu tu học theo nhưng chỉ làm mấy phần trăm thôi, vì vốn họ không cách gì buông bỏ tập khí. Chúng ta thấy rất nhiều người căn tánh thuộc bậc hạ, cả đời không

thể tu sửa bản thân. Kiểu người này thì đời này chỉ có thể kết duyên với Phật. Trong A Lại Da thức của họ có gieo hạt giống Phật, nhưng đáng luân hồi thế nào thì luân hồi thế ấy, đáng đọa tam đồ thì đọa tam đồ.

Ngay đến Pháp sư học Kinh giảng Kinh, dù giảng được và giảng không sai nhưng chính mình không làm được thì quả báo vẫn đọa tam đồ. Phải hiểu rằng giảng Kinh cũng không cứu được chính mình, giảng Kinh là phước đức, không phải công đức. Lục Tổ trong Đàn Kinh dạy “*Sanh tử là việc lớn, phước không thể cứu*”. Chúng ta nhất định phải hiểu làm thế nào để chuyển phước đức thành công đức thì khi ấy là mình được độ rồi. Muốn chuyển phước đức thành công đức phải “tùy văn nhập quán”, tức tùy vào Kinh văn, tự mình khế nhập cảnh giới, cũng chính là y theo Kinh văn sửa đổi quan niệm của bản thân, khi ấy phước đức sẽ thành công đức.

“Thiện Tài Đồng tử ngũ thập tam tham” (nghĩa là Thiện tài đồng tử tham vấn 53 người) trong kinh Hoa Nghiêm là tám gương tốt nhất. Thiện Tài Đồng tử tham vấn thiện tri thức, thiện tri thức khai thị cho Ngài, Ngài thật sự tùy văn nhập quán, tùy ngữ nhập quán, tùy hành nhập quán. Lục căn tiếp xúc cảnh giới lục trần hết thấy đều là trí huệ. Ngài tham vấn một vị thiện tri thức thì cảnh giới được nâng lên một tầng, từ Sơ trụ, Nhị trụ một mạch thẳng đến Đẳng giác một đời thành tựu.

Có người sẽ hỏi “Thiện Tài may mắn gặp được nhiều thiện tri thức, chúng ta không may mắn như vậy”. Cách nghĩ này là tà kiến. Nếu Kinh Hoa Nghiêm để trước mặt chúng ta, chúng ta đọc một quyển thì cảnh giới nâng cao một bậc, chúng ta tuyệt đối không kém Thiện Tài Đồng Tử. Ta đọc chương Sơ trụ, ta chính là Bồ Tát Sơ trụ; đọc chương Nhị trụ, ta chính là Bồ Tát Nhị trụ; đọc tới cuối cùng thì thành Bồ Tát Đẳng Giác, là Phật rồi. Đây là tùy văn nhập quán, thuận theo Kinh văn mà sửa đổi quan niệm của mình, tu sửa những tập khí từ vô lượng kiếp đến nay của mình. Người như thế là người thượng thượng căn, Kinh này không có đọc suông mà mỗi biến đều khế nhập cảnh giới quả vị Như Lai.

Chúng ta phải học được phương pháp tu học này, bằng như không học được, thì phải hạ xuống đến mức thấp nhất cũng phải sao cho tương ứng với bốn loại thiện của khẩu nghiệp, phải khéo giữ khẩu nghiệp. Công phu này có chỗ tốt nhưng chưa thể đoạn hết phiền não tập khí của chúng ta.

(Một là: Không nói dối)

Với hết thầy chúng sanh quyết không sanh tâm lừa dối, tức là không vọng ngữ, nhất định không sanh tâm tổn hại tức là không có lòng chiếm lợi. Trước tiên tu tâm rồi sau mới thật thực hành không được vọng ngữ, bất kể với ai thì mỗi câu mỗi lời đều là lời thật.

Chúng sanh nhất niệm đều bảo vệ bản thân, nếu nói lời không có lợi cho mình sẽ không dám nói thật. Chỗ này ta nhất định phải nghĩ rằng “nó không có lợi mà có hại cho ta nhưng hại đến độ nào?” Trong lời này có phương tiện khéo léo: Nếu như tổn hại không lớn thì phải nói lời chân thật, tổn hại lớn, từ bản thân dẫn đến xã hội và quần chúng thì có thể không nói lời thật. Nên hiểu đây là “khai duyên” không phải phá giới, không những không có tội mà còn có công đức.

Đức Phật lấy một ví dụ, một người giữ năm giới mười thiện. Người trì giới nọ gặp thợ săn ở ngã ba đường. Thợ săn đang đuổi bắt một con thỏ. Người trì giới thấy con thỏ chạy qua.

Sau đó thợ săn đến và hỏi:

- Người có thấy con thỏ không?

Ông ta đáp:

- Có thấy

Người Thợ săn lại hỏi:

- Nó chạy hướng nào?

Ông ta lại đáp

- Nó chạy qua phía bên kia.

Ông ta chỉ sai hướng, tuy là vọng ngữ nhưng vọng ngữ này cứu được mạng con thỏ thì ấy là tâm thiện; và cũng cứu được thợ săn, vì nếu thợ săn sát sanh thì tương lai phải thọ quả báo.

Chỉ một câu vọng ngữ mà cứu được cả hai, ấy là từ bi, là trí huệ, là khai duyên. Tu học năm giới mười thiện nhất định phải hiểu “Khai, Giá, Trì, Phạm”; xem tình huống thế nào thì dùng phương pháp thế ấy, phải linh hoạt vậy.

(Sao gọi là “khai, giá, trì, phạm”

“Khai” là mở, cho làm.

“Giá” là cấm, không cho làm.

Như khi Phật còn tại thế, Ngài cấm các vị Tỳ Kheo leo lên cây, đó là “Giá”. Nhưng về sau có vị Tỳ Kheo đi vào rừng, bị ác thú rượt đuổi, không dám leo lên cây để tránh, vì sợ phạm giới, và cuối cùng thì bị ác thú làm hại. Từ đó, Phật dạy: ‘

- Nếu có duyên sự thì được leo cây

Như thế gọi là “Khai”.

Một thí dụ thứ 2: người Phật tử phải giữ giới không uống rượu. Đó là “Giá”. Nhưng khi bị bệnh nặng, nếu cần rượu để hòa với thuốc, uống mới lành bệnh, thì tạm được dùng. Đó gọi là “Khai”. Nhưng trước khi uống, phải bạch với chư tăng.

“Trì” là giữ gìn; như khi đã thọ giới rồi mà giữ gìn cho được thanh tịnh thì gọi là “Trì”.

“Phạm” là vi phạm; như đã thọ giới rồi mà không giữ gìn được giới thì gọi là “Phạm”.

Tóm lại, trong khi tu hành giữ giới luật hành giả luôn luôn quan sát mỗi hành vi hàng ngày của mình xét xem một cách sáng suốt, thế nào là “Trì”, thế nào là “Phạm”; trong trường hợp nào, và giới nào được “Khai”; Trong trường hợp nào, và giới nào không được “Khai”...v...v, nói một cách tổng quát khi đã thọ giới rồi thì phải “Trì”. Nếu không “Trì” là “Phạm”.

Tuy thế nếu vì lòng từ bi, vì lợi ích chung, hay vì trí huệ thúc đẩy, thì có thể “Khai” mà không phạm tội. Nhưng nếu vì tâm nhiễm ô, vì phiền não thúc đẩy mà “Khai” thì là “Phạm”) (Trích: Phật Học Phổ Thông - HT Thích Thiện Hoa)

(Hai là: Không trộm cắp)

Giảng đến giới trộm cắp, Thiền sư Vĩnh Minh Diên Thọ, vị tổ thứ sáu của Tịnh độ tông. Lúc chưa xuất gia Ngài là một viên quan phòng thuế vụ. Khi ấy Ông thường lấy công khoản quốc khố đi mua vật phóng sanh, sau có người phát hiện, Ngài liền nói thật tất cả không một lời vọng ngữ. Đây là tội phải chém đầu, Ngài cũng không trốn tránh, bằng lòng chịu hình phạt. Khi đến pháp trường chấp hành án tử, Hoàng đế dặn dò quan giám trảm:

- Nếu thái độ của ông ta vẫn ung dung, không gì lo sợ thì dẫn ông ta về gặp ta, còn như ông ta hoảng sợ tội độ thì giết cho rồi.

Kết quả Đại sư Vĩnh Minh Diên Thọ đến pháp trường với thái độ rất ung dung, hoan hỷ. Quan giám trảm hỏi:

- Tại sao ngươi không sợ chết?

Ngài đáp:

- Lấy một mạng tôi mà cứu được hàng ngàn hàng vạn sanh mệnh khác, thật đáng!

Quan giám trảm tâu lại với hoàng đế, Hoàng đế triệu kiến ngay. Sau đó Hoàng đế hỏi:

- Chí nguyện của Ngài là gì?

Ngài nói:

- Chí nguyện xuất gia

Hoàng đế cho Ngài xuất gia, và làm hộ pháp cho Ngài.

Có thể thấy việc trộm cắp ấy không phải vì bản thân mà vì cứu độ chúng sanh, dùng sanh mệnh mình để đổi lại sanh mệnh chúng sanh, phát khởi tâm Bồ Tát, đây là khai duyên. Còn như trộm cắp vì lợi ích bản thân thì là tội lớn. Quán sát kỹ giới điều nhà Phật quả thật là hợp tình, hợp lý, hợp pháp, vô cùng hoàn thiện.

Khẩu nghiệp dễ tạo nhất. Người xưa nói “*Bệnh từ khẩu nhập, họa từ khẩu xuất*”, có nghĩa là “*Bệnh từ miệng vào, họa từ miệng ra*”. Muốn thân tâm khỏe mạnh thì khi ăn thức ăn phải chú ý cẩn thận; muốn cả đời bình an thì lời nói ra phải thận trọng, phải giữ không vọng ngữ, không vọng ngữ thì có lợi cho mình.

(Ba là: Không nói lời hai chiều)

Không nói hai lời tức tuyệt đối không nói lời khích bác, thị phi; cả khi thấy sự tình không như pháp, chúng ta không hiểu chân tướng sự thật thì cũng đừng tùy tiện nói. Phật, Bồ Tát có rất nhiều hành trì, chúng ta là phàm phu mắt thịt nhìn thấy đó dường như không như pháp, kỳ thực không phải vậy, họ không sai lầm mà là tự mình có sai lầm.

Nói lời khích bác phải quấy tạo nghiệp nặng vô cùng. Khích bác khiến gia đình người bất hòa thì gánh trách nhiệm nhân quả; khích bác đoàn thể đặc biệt là đoàn thể Phật giáo sẽ tính như “phá hòa hợp tăng” thì chịu tội nghiệp đọa Địa ngục A Tỳ. Vậy nên dẫn tăng đoàn không như pháp, chúng ta cũng không nên buông lời nặng nề sợ làm tăng đoàn chia rẽ; còn nếu nói thì chỉ nên khuyên nhủ riêng tư, tránh chỉ trích phê bình. Còn như có lời phê bình tăng đoàn ra bên ngoài, khiến tín chúng mất tín tâm với tăng đoàn, thì chính là phá hoại tăng đoàn. Tội này rất nặng.

Với bất kỳ đoàn thể nào chúng ta đều hy vọng họ hòa thuận với nhau. Ở quy mô lớn hơn mà nói thì đoàn thể có thể là một dân tộc, một tôn giáo hay một quốc gia. Chúng ta quyết không phân hóa, phá hoại, không khiêu khích thị phi, ác ý, gây rối sanh sự.

(Bốn là: Không nói lời thêu dệt)

Những lời thêu dệt chỉ là lời hoa mỹ ngon ngọt để lừa dối, mê hoặc chúng sanh.

(Năm là: Không nói lời thô ác)

Ác ngôn là lời thô lỗ dễ tổn thương người mà chính ta không hề biết. Vì thế Không Tử dạy khi muốn nói thì phải “tái tư khả hĩ”, tức là suy nghĩ kỹ nên nói lời này hay không.

(“Tái tư khả hĩ” là lời nhận xét hóm hỉnh của Không Tử đối với Quý Văn Tử, người nói rằng mình bao giờ cũng suy nghĩ ba lần rồi mới làm; và Không Tử đã bảo rằng “Tái tư khả hĩ” nghĩa là hai lần cũng đủ rồi.)

Xưa đức Không Tử vào viếng chốn cổ miếu, thấy bức tranh họa một người kẹ miệng ba lần, Ngài dạy lại dạy môn đệ phải cẩn thận với lời nói).

Chánh ngữ là tu chỗ này đây.

Thứ tư “Chánh Nghiệp”.

“Sự” với “nghiệp” gộp lại gọi là “sự nghiệp”. Khi đang tạo tác là “sự”, kết quả của tạo tác chính là “nghiệp”. Mỗi quan hệ này là quan hệ nhân quả. Phạm vi của “nghiệp” rất lớn: khởi tâm động niệm là ý nghiệp, lời nói là khẩu nghiệp, hành động thân thể là thân nghiệp. “Chánh ngữ” thuộc về ngữ nghiệp, “chánh kiến, chánh tư duy” thuộc về ý nghiệp, đây là phân ra mà nói, chỗ này là tổng nói nghiêng nặng về phần tạo tác của thân.

Thân, khẩu, ý luôn có quan hệ liên đới với nhau chứ không đơn độc, ví dụ: dù là lời nói còn có thái độ, biểu thái, nên “Tam nghiệp” tuy một mà là ba, tuy ba chính là một không thể chia rời ra. Từ đó có thể biết tất cả tạo tác nếu đều lợi cho chúng sanh, ích cho xã hội thì đều là chánh nghiệp; còn như tạo tác chỉ lợi ích cho bản thân, gia đình, tập thể nhỏ của mình thì chính là tà nghiệp.

Đặc biệt trong xã hội hiện nay là xã hội mở rộng. Cùng với sự phát triển của khoa học, giao thông ngày một thuận lợi, tin tức ngày càng phát triển, một việc xảy ra ở bất kỳ nơi nào trên địa cầu chúng ta cũng có thể lập tức biết được, nên địa cầu ngày càng “thu nhỏ” thành “ngôi làng địa cầu”. Chúng ta ở cùng một “làng”, quan hệ mật thiết với “xóm giềng” xung quanh, chúng ta chăm sóc cho bản thân đồng thời cũng nghĩ đến chăm sóc môi trường xung quanh. Cho nên cách nghĩ, cách nói, cách làm của chúng ta phải vì cả địa cầu

này mà cân nhắc, có vậy thế giới mới được an định, hòa bình. Nếu chỉ biết nghĩ tốt cho đất nước mình, không nghĩ đến những đất nước khác thì đây là quan niệm sai lầm. Nước mình được lợi nhưng các quốc gia lân cận không có lợi ích gì thì sẽ phát sinh xung đột, dẫn đến tranh chấp xã hội mà không khéo sẽ đẩy đến chiến tranh thế giới. Chúng ta có thể nghĩ được như vậy là Chánh tư duy, còn nếu chỉ nghĩ đến lợi ích bản thân là tà kiến, tà tư duy. Vậy nên chúng ta làm việc gì cũng phải nghĩ đến có lợi ích với mọi chúng sanh trên cả thế giới hay không, việc không lợi ích thì không nên làm, việc gây hại càng không nên làm.

Chúng ta nhất định phải tu học tâm thuần thiện. Thuần thiện chính là tư tưởng thiện, tâm địa thiện, lời nói tạo tác không gì không thiện. Thế nào gọi là thiện? “Thiện” nghĩa là làm điều lợi ích cho tất cả chúng sanh trên toàn thế giới, không chỉ làm lợi ích cho con người mà còn phải nghĩ đến các loài động, thực vật thậm chí là các yếu tố tự nhiên như đất, nước cũng có lợi ích. Được vậy mới là chân thiện, thuần thiện. Việc lợi ích cho đất, cho nước tức là quyết không phá hoại môi trường tự nhiên. Con người ngày nay không có cái tâm thiện này, tùy ý phá hoại môi trường tự nhiên, gây mất cân bằng sinh thái, từ đó mới sanh ra nhiều tai hại thiên nhiên. Tai hại thiên nhiên từ đâu mà ra? Là do con người tạo ra, nguyên nhân trực tiếp chính là thân nghiệp, chúng ta vừa động tay liền phá hoại môi trường tự nhiên.

Cho nên con người ở đời nhất định phải chọn nghề nghiệp cho đúng. Nghề này nhất định phải lợi cho xã hội, ích cho đại chúng, phục vụ tất cả chúng sanh. Chúng ta phục vụ chúng sanh thì phải lấy đối tượng được phục vụ làm chính, không thể xem bản thân mình làm chính được. Cho dù ngày nay chúng ta chọn giáo học của Phật Giáo, chọn xuất gia (xuất gia cũng là một nghề), chúng ta tự mình tu học, giáo hóa chúng sanh, còn phải lấy chúng sanh làm đối tượng, lấy mong ước của họ làm tiêu chuẩn. Nhất định hiểu rõ đại chúng trong xã hội ngày nay cần gì, vì đại chúng mà suy nghĩ, khiến đại chúng ngay trước mắt có được lợi ích, đời sau được lợi ích, và đời sau nữa cũng được lợi ích, vĩnh viễn được lợi ích là chính xác, đây là thuần Chánh tư duy.

Kinh Lăng Nghiêm nói ***“Thời kỳ mạt pháp, tà sư giảng pháp nhiều như cát sông Hằng”***. Tà sư giảng pháp nhưng sao có nhiều người tin tưởng như vậy? Vì tà sư giảng pháp khiến chúng ta được lợi trước mắt, còn đời sau thì họ không quan tâm. Mà nếu đời sau ta vẫn còn trong lục đạo, đọa tam đồ thì

sai rồi. Phật pháp đặc biệt xem trọng lợi ích của kiếp sau, hiện tiền không được lợi ích thì kiếp sau được lợi ích thì ấy là đúng đắn; hiện tiền được lợi nhưng kiếp sau không được ích gì thì ấy là sai lầm.

Lợi ích đại chúng mà không chấp tướng tức là “Tam luân thể không” mà Kinh Bát Nhã dạy. *(Chú giải: Tam Luân thể không là ba loại đều không, tức là khi bố thí cúng dường nội tài ngoại tài cho đại chúng để làm lợi ích cho đại chúng, nhưng không thấy có người bố thí, không có vật bố thí, không có người nhận bố thí).* Tạo tác này cao hơn một cấp so với Chánh nghiệp, gọi là “Tịnh nghiệp”. Cho nên, Chánh nghiệp bao gồm mười thiện nghiệp và hoàn toàn vận dụng thực tiễn vào mười thiện nghiệp. Đây là chánh nghiệp thuần chánh. Nếu ngược với mười thiện nghiệp, tức là tạo mười ác thì là tà nghiệp, ác nghiệp.

Tuy nhiên, Thị – phi, thiện – ác, chân – vọng phải có năng lực phân biệt, nhưng xã hội ngày nay thị – phi, thiện – ác lẫn lộn, luân lý đạo đức suy thoái. Có một số cá nhân lên tiếng về việc này, nhưng không có hiệu quả, đại chúng xã hội không quan tâm thì sao tránh được nạn tai đây? Vậy ta phải tự cứu mình thế nào? Phải tu mười thiện nghiệp.

Niệm Phật nhưng vẫn tạo mười ác nghiệp, chắc chắn không thể vãng sanh; niệm Phật nhất định phải tu mười thiện nghiệp mới có thể độ chính mình, lại có thể giúp đỡ người. Vậy còn người đời phải làm thế nào? Thời đại tự do dân chủ, khai phóng chúng ta không có quyền can thiệp, cũng không có quyền phê phán người, chỉ bằng thu tâm mình lại, cố gắng tu học, ấy mới là việc làm đúng đắn. Người có thể tiếp nhận thì ta khuyên giải người; người không thể tiếp nhận thì ta nỗ lực niệm Phật, tự thành tựu bản thân. Nếu thật lòng phát tâm đại bi thì sau khi vãng sanh ắt được thừa nguyện tái lai, khi ấy chúng sanh có ý quay đầu thì ta trở lại độ, không nhất thiết vội độ người ngay lúc này. Phải khẩn cấp độ mình trước! Mình còn chưa độ mà có thể độ người khác. Vì Phật dạy “Vô Hữu thị xứ” nghĩa là “không có việc như thế” là không có đạo lý này.

Thứ năm “Chánh Tinh Tấn”.

Chánh tinh tấn là chuyên cần, siêng năng làm việc chánh nghĩa, lợi lạc cho mình cũng như lợi lạc cho người và vật.

Chú giải viết “*Cần tu chánh đế, thủ niết bàn cố*” (nghĩa là: *Siêng tu chánh đế, chứng được niết bàn*).

“Chánh đế” chính là chánh pháp cũng là “chân lý” mà người đời thường nói. Tư tưởng, kiến giải, lời nói của chúng ta phải tương ứng với chân lý cũng chính là “Chánh đế”. Tu nhân ắt có quả báo, quả báo là đại Niết Bàn. “Niết bàn” là tiếng Phạn, Trung văn gọi là “tịch diệt”. Người xưa nói “nhất niệm bất sanh”, đây là trạng thái tịch tịnh. Chúng ta không dễ gì hình dung được trạng thái “nhất niệm bất sanh” vì phàm phu ý nghĩ quá nhiều, nên ý niệm vì thế không thể phát giác.

Kinh Nhân Vương dạy một cái khủy móng tay có 60 sát na, một sát na có 900 lần sanh diệt, chúng ta không cách nào thể hội được điều này. Ý niệm sanh diệt này là căn nguyên của sanh tử luân hồi lục đạo, ý nghĩ này đoạn rồi chính là cảnh giới tịch diệt, quả vị Như Lai mới chứng đắc được; Bồ Tát Đẳng Giác chứng đắc còn thuộc Phần Chứng vị, không phải quả vị cứu cánh. tức là phần chứng tức Phật, trong lục tức Phật). Trong pháp thể xuất thế gian chỉ có đây là chân thật, đức tướng trí huệ cảnh giới này đầy đủ viên mãn, là tự tánh vốn có đầy đủ.

Ngoài đầu nhìn lại chính chúng ta, quả là chúng sanh mê mất rồi. Chúng sanh không phải không có tự tánh, Phật dạy “***Tất cả chúng sanh đều có đức tướng trí huệ Như Lai***”, vô cùng bình đẳng. Tại sao Phật thấy tất cả chúng sanh bình đẳng? Vì Phật nhìn từ tự tánh thì tất cả chúng sanh đều bình đẳng, không chút khác biệt. Tướng khác biệt là từ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước mà sanh. Vọng tưởng, phân biệt, chấp trước chính là “tập khí” hay “tập tánh” mà nhà Nho hay nói, tức thường gọi là “tập nhiễm”. Sự “nhiễm ô” mà Kinh văn hay nói, đó là do tập khí ô nhiễm chân tánh nên mới biến hiện tướng sai lệch rất lớn. Chư Phật, Bồ Tát thị hiện ở thế gian chỉ là giúp phàm phu hồi phục tự tánh, hồi phục giác ngộ mà thôi.

Tự tánh là cái vốn có, giác ngộ cũng là cái vốn có, mê hoặc không phải cái vốn có, phiền não tập khí cũng không phải vốn có, mà do sự nuôi dưỡng từ môi trường mà thành. Nó không phải cái vốn có, đương nhiên có thể đoạn trừ; còn những thứ vốn có đương nhiên có thể hồi phục. Vậy là rõ ràng: phiền não dầu nặng, tập khí dầu sâu, nhất định vẫn có thể đoạn trừ; Trí huệ, đức tướng giống như chư Phật Như Lai chắc chắn có thể phục hồi.

Tu trì Phật pháp trước tiên là tín tâm, chính là tin tưởng tận tâm của chúng ta có thể đoạn trừ, tin tưởng tự tánh đức năng có thể hồi phục. Đây là “tín mình”. Rồi từ đó kiến lập tâm tự tin, như vậy mới có thể nỗ lực, ấy là Chánh tinh tấn.

Chúng ta muốn đoạn tận phiền não tập khí, đức tướng trí huệ hồi phục tự tánh viên mãn, phương pháp nhanh nhất chính là pháp môn Tịnh độ. Trước mắt chúng ta phải học từ chính trong đời sống công việc; đối người, đối việc, đối vật, khởi tâm động niệm đều tương ứng với Tịnh độ. Làm thế nào để tương ứng với Tịnh độ? Tương ứng với tâm thanh tịnh chính là tương ứng Tịnh độ, “tâm tịnh tức là Phật độ tịnh”. Bất kể lúc nào, ở đâu, đối diện cảnh giới gì tuyệt đối không đánh mất tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh là tâm tuyệt không ô nhiễm.

Khi lục căn đối diện lục trần sanh khởi thất tình, ngũ dục, tham sân si mạn tức là đã bị ô nhiễm rồi. Nói cách khác, chỉ cần không phân biệt, không chấp trước tức là đã tương ứng với tâm thanh tịnh; còn mảy may phân biệt, chấp trước thì vẫn còn chìm trong nhiễm tạp như xưa. Cho nên, trong đời sống hằng ngày, chúng ta xử sự đối nhân, tiếp vật phải luyện tập tâm không phân biệt, không chấp trước. Ấy chính là tu tâm thanh tịnh, tu tâm bình đẳng thì Tịnh nghiệp của chúng ta được thành tựu. Một câu Phật hiệu nguyện sanh Tịnh độ, pháp môn này thật sự đâu khó khăn. Nếu trong cuộc sống hằng ngày ta không rèn luyện công phu này thì dù một ngày niệm mười vạn hay hai mươi vạn lần Phật hiệu thì cũng giống như người xưa nói (đau mồm rất hòng chỉ uống công)

Người thường thì nỗ lực tinh tấn hướng theo danh tiếng lợi dưỡng. Mục tiêu, phương hướng thế này là sai rồi, không phải chánh tinh tấn. Chánh tà phân biệt chỗ nào? Có thể giúp chúng ta thoát ly sanh tử tam giới, thành tựu vô lượng công đức là chánh; ngược lại tạo nên đời sau khổ nạn, như chấp trước, tham luyến, chiếm hữu đều là tà. Từ đó có thể thấy, định nghĩa của “chánh” là Chánh kiến, Chánh tư duy, chỉ cần Chánh tri Chánh kiến đầy đủ mọi việc làm đều là chánh; không đầy đủ Chánh tri Chánh kiến thì làm gì cũng đều không chánh.

Hôm nay thời gian đã hết, chúng ta giảng đến đây thôi.

Chúc bạn:

*Không làm các việc ác,
Vâng làm các việc lành,
Tự thanh tịnh tâm ý,
Đó là lời Phật dạy*

Website: “www.duongdenhanhphuc.vn”

Kênh Youtube: “duongdenhanhphuc”

Hoan nghênh mọi hình thức ấn tống, sao chép, copy, công đức vô lượng!